

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/NQ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2024

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 11.13.2024

**NGHỊ QUYẾT**

Ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Kết luận số 61-KL/TW ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các thành viên Chính phủ.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (3). 162

**TM. CHÍNH PHỦ  
KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Trần Lưu Quang**



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 17 tháng 8 năm 2023  
của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12  
tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng  
đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

(Kèm theo Nghị quyết số: 29/NQ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2024  
của Chính phủ)

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

a) Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại Kết luận số 61-KL/TW ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (sau đây gọi tắt là Kết luận số 61-KL/TW).

b) Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của rừng, từ đó thay đổi hành vi, thói quen trong sinh hoạt, sản xuất, tiêu dùng, tạo động lực cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, đẩy mạnh xã hội hóa công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

c) Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững theo hướng đa mục đích, đa giá trị trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng và đất quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp. Đa dạng hóa các loại hình tổ chức, hợp tác, liên kết, chia sẻ lợi ích trong sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp theo hướng sản xuất xanh, bền vững, tuần hoàn, huy động các nguồn lực hợp pháp phục vụ phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.

d) Khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng thời gian qua, đảm bảo thực hiện đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, trong đó có lĩnh vực lâm nghiệp, đồng thời, góp phần tạo việc

làm, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện sinh kế, bảo vệ môi trường sinh thái để phát triển bền vững.

## 2. Yêu cầu

a) Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp chính quyền, người đứng đầu các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đối với công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.

b) Tổ chức nghiên cứu, quán triệt các nội dung phù hợp với từng đối tượng, thành phần, từng cấp, ngành, nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nắm vững, hiểu rõ những nội dung cơ bản của Chỉ thị số 13-CT/TW và Kết luận số 61-KL/TW. Việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt phải nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức.

c) Các cơ quan chuyên ngành lâm nghiệp từ Trung ương đến cơ sở chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp xây dựng, cụ thể hóa thành kế hoạch hàng tháng, quý, năm của cấp ủy, chính quyền để triển khai thực hiện Kết luận số 61-KL/TW và Chỉ thị số 13-CT/TW.

## II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đổi mới, đa dạng hoá, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững

- Tổ chức quán triệt, phổ biến, nâng cao nhận thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về mục tiêu, nhiệm vụ của Chỉ thị số 13-CT/TW và Kết luận số 61-KL/TW.

- Xây dựng các tài liệu, tin bài, phóng sự chuyên đề về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả các chương trình, hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lâm nghiệp với cách làm mới, sáng tạo, hình thức và nội dung phù hợp. Trong đó, xác định rừng là tài nguyên, nguồn lực to lớn của đất nước; là tư liệu sản xuất quan trọng, có khả năng tái tạo, yếu tố quan trọng của môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, góp phần giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, quốc

phòng, an ninh; là không gian sinh tồn, lưu giữ các giá trị văn hóa gắn với đời sống, sinh hoạt của cộng đồng dân cư, nhất là các dân tộc thiểu số.

- Tuyên truyền, phổ biến các nội dung, nhiệm vụ được quy định tại chiến lược, chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phát triển ngành lâm nghiệp và các văn bản liên quan khác.

- Các cơ quan truyền thông tăng thời lượng đưa tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về lâm nghiệp; xây dựng, mở chuyên mục, chuyên trang, phối hợp tổ chức sản xuất các tin, bài, phóng sự về lĩnh vực lâm nghiệp; đăng tin, bài biểu dương người tốt, việc tốt trong bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

- Đẩy mạnh tuyên truyền trên các nền tảng số, hệ thống thông tin cơ sở và các phương tiện truyền thông mới. Ưu tiên các giải pháp tiếp cận người dân ở khu vực biên giới, vùng cao, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đổi mới, nâng cao chất lượng, thời lượng các chương trình phát thanh, truyền hình, các ấn phẩm bằng tiếng dân tộc thiểu số để đưa thông tin đến với người dân vùng sâu, vùng xa, vùng cao biên giới. Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho cán bộ làm công tác truyền thông và thông tin cơ sở.

- Lồng ghép các nội dung tuyên truyền về bảo vệ rừng vào giờ học cho trẻ em, học sinh các cấp và giáo dục thường xuyên, như: vai trò, tác dụng của rừng trong nền kinh tế và môi trường sống của con người; các quy định của nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng; đa dạng sinh học của hệ sinh thái rừng; tác hại của việc khai thác, chặt phá rừng trái pháp luật.

- Tăng cường sự giám sát của người dân, cộng đồng, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững; trong đó, phát huy vai trò, nhân lực có sẵn tại địa phương như trưởng thôn (bản, buôn,...), các tổ chức đoàn thể.

## 2. Hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách về lâm nghiệp

- Rà soát, hệ thống hoá chủ trương của Đảng về quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng bền vững bảo đảm yêu cầu quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phát huy tiềm năng, lợi thế của rừng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh trong giai đoạn hiện nay. Xác định rõ sản phẩm, lộ trình, cơ quan chủ trì xây dựng các văn bản để thể chế hoá các chủ trương của Đảng về

quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng bền vững; phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững theo hướng đa mục đích, đa giá trị trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng và đất quy hoạch cho lâm nghiệp.

- Rà soát, hoàn thiện quy định của pháp luật về lâm nghiệp, trong đó mở rộng đối tượng được giao rừng, cho thuê rừng đảm bảo phù hợp, đồng bộ với các quy định của pháp luật khác có liên quan, trong đó quy định cụ thể loại rừng phù hợp, khả thi để giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư ở khu vực có rừng gắn với lịch sử, văn hoá, tín ngưỡng; có chính sách bảo đảm hài hòa giữa trách nhiệm và quyền lợi của chủ rừng được nhà nước giao rừng, cho thuê rừng, nhất là đối với hộ gia đình, cá nhân được giao rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách cụ thể, khả thi để quản lý hiệu quả rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất; tạo động lực thu hút sự tham gia của người dân, huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; chính sách khoán nuôi, bảo vệ, phát triển rừng phải gắn với ổn định, nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số và người dân ở khu vực có rừng; tăng định mức bảo vệ rừng và mức khoán bảo vệ rừng để phù hợp với thực tế.

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách thúc đẩy phát triển và triển khai có hiệu quả các loại dịch vụ môi trường rừng, nhất là dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các - bon của rừng.

- Hoàn thiện chính sách và triển khai các chương trình hỗ trợ dạy nghề, tạo sinh kế, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao thu nhập cho người trồng rừng, người bảo vệ rừng, lao động ngành sản xuất, chế biến lâm sản.

- Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức, cơ chế điều tiết, phân bổ ngân sách nhà nước bảo đảm hài hoà lợi ích, trách nhiệm đối với địa phương quản lý diện tích rừng lớn, nhất là diện tích rừng tự nhiên, hoàn thành vào năm 2025 (giai đoạn 2023 - 2024, thực hiện theo Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

- Xây dựng chính sách tín dụng trong phát triển lâm nghiệp; chính sách thúc đẩy hình thành doanh nghiệp lâm nghiệp lớn, hiện đại, đủ năng lực vốn, công nghệ, trình độ quản trị, sản xuất các sản phẩm có chất lượng, xây dựng được thương hiệu, sức cạnh tranh cao, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; cơ chế, chính sách nhằm bảo đảm điều kiện cần thiết cho hoạt động của kiểm

lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách; chính sách đặc thù để thu hút, giữ chân người lao động làm việc trong ngành lâm nghiệp.

- Nghiên cứu tăng cường chế tài, đơn giản thủ tục tố tụng để xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

### 3. Phát triển kinh tế lâm nghiệp

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021); các chương trình, đề án trọng điểm của ngành lâm nghiệp được cấp thẩm quyền duyệt: (1) Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2022); (2) Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020); (3) Đề án Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 (Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021); (4) Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng (Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2018); (5) Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 327/QĐ-TTg ngày 10 tháng 3 năm 2022); (6) Đề án bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2021).

- Tiếp tục phát triển mới, nhân rộng một số mô hình kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp kết hợp, vừa đáp ứng yêu cầu bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng, vừa phát huy tiềm năng, giá trị tài nguyên của rừng đặc dụng. Phát triển các mô hình bảo vệ rừng, bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn gắn với nuôi trồng thủy sản.

- Phê duyệt và tổ chức triển khai có hiệu quả Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, nhằm phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng trên cơ sở bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, các giá trị văn hóa truyền thống; nâng cao hiệu quả sử dụng bền vững các dịch vụ hệ sinh thái, nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao đời sống tinh thần cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc và người làm nghề rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh triển khai dịch vụ hấp thụ, lưu giữ các - bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền

vững, tăng trưởng xanh; thành lập thị trường các - bon trong nước; tổ chức vận hành thị trường các - bon trong nước và tham gia thị trường các - bon thế giới.

- Đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

- Xem xét, giải quyết kịp thời các vấn đề về an sinh xã hội cho lao động ngành sản xuất, chế biến lâm sản.

4. Tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và một số đề án trọng điểm

- Phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bố trí vốn cho dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước để thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả một số đề án trọng điểm: Đề án kiểm kê rừng toàn quốc; Đề án giao rừng, cho thuê rừng; Đề án rà soát phân định ranh giới rừng, cắm mốc giới trên thực địa, bảo đảm đến năm 2026, toàn bộ diện tích rừng và đất quy hoạch lâm nghiệp phải được giao, cho thuê đến từng chủ rừng gắn với trách nhiệm quản lý, phát triển rừng; Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai, phục hồi và nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đặc biệt rừng đầu nguồn; bảo tồn, khôi phục, tăng tỷ lệ che phủ rừng, chống sa mạc hoá, suy thoái rừng.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả nhiệm vụ quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với mục tiêu quốc phòng, an ninh, bảo đảm ổn định dân cư, nhất là khu vực biên giới, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; trừ các dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh; dự án cấp thiết khác theo tiêu chí do Chính phủ quy định.

- Đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, nhất là các hành vi phá rừng, lấn chiếm đất rừng, mua bán, vận chuyển lâm sản, săn bắn động vật hoang dã trái pháp luật. Chỉ đạo xử lý nghiêm minh các vụ án hình sự thuộc lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng.



5. Sắp xếp tổ chức, bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về lâm nghiệp theo quy định. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, bảo vệ và phát triển rừng nhằm nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

- Quy định cụ thể việc phân cấp, phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính gắn với kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan và cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cấp, các ngành, chủ rừng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm đối với các vụ phá rừng, cháy rừng, khai thác lâm sản trái phép phức tạp, nghiêm trọng thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn mình quản lý hoặc để cho các tổ chức, cá nhân cấp dưới, người thân vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động của kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách. Tiếp tục thực hiện Đề án nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định số 177/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức xây dựng lực lượng chuyên ngành về phòng cháy, chữa cháy rừng theo hướng chuyên nghiệp.

- Xây dựng chương trình, đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đội ngũ cán bộ, công chức ngành lâm nghiệp, đặc biệt là đội ngũ làm công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và phòng, chống tội phạm liên quan đến rừng.

6. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 984/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Kết luận số 82-KL/TW ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

- Giải quyết, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong việc sắp xếp, đổi mới của các công ty nông, lâm nghiệp tại các địa phương, nhất là việc bàn giao, tiếp nhận các công ty lâm nghiệp từ các bộ, ngành cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý.

- Xử lý triệt để tồn đọng, tranh chấp về đất đai có nguồn gốc từ lâm trường, công ty lâm nghiệp; chấm dứt tình trạng công ty lâm nghiệp, doanh nghiệp được giao đất nhưng không sử dụng (nhượng lại, cho thuê, cho mượn, khoán trắng) hoặc sử dụng không hiệu quả; xử lý dứt điểm diện tích đất lâm nghiệp bị chôn lấp, tranh chấp, lấn chiếm.

- Giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển nhượng đất ở, đất sản xuất được giao của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Quản lý chặt chẽ tình trạng dân di cư tự do tại cả nơi đi và nơi đến. Các địa phương có dân đi phải tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, ổn định đời sống của người dân để giảm thiểu tình trạng di cư ra khỏi địa phương. Các địa phương có dân đến, tổ chức tuyên truyền, vận động người dân trở lại nơi cư trú cũ, trường hợp xác định người dân thực sự không có điều kiện về nơi ở cũ, thì tổ chức ổn định cuộc sống, giải quyết đất phù hợp với tình hình thực tế địa phương cho người dân tại các khu vực được quy hoạch.

7. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và chủ động, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về lâm nghiệp

- Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ lĩnh vực lâm nghiệp theo Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thực hiện chuyển đổi số và sử dụng trí tuệ nhân tạo trong theo dõi, giám sát, quản lý tài nguyên rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; dự báo và cảnh báo sinh vật hại rừng và truy xuất nguồn gốc lâm sản, nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.

- Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính trong lâm nghiệp; tiếp cận và hình thành thị trường các - bon rừng, thúc đẩy phát triển thị trường các - bon rừng

thông qua các chương trình, dự án tham gia cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon thu được từ hoạt động tăng cường hấp thụ khí nhà kính trong lâm nghiệp.

- Tăng cường đối thoại với các nước xuất, nhập khẩu để công nhận bình đẳng về hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp; tổ chức các diễn đàn đầu tư và doanh nghiệp để kết nối các nhà nhập khẩu với doanh nghiệp Việt Nam.

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, tiếp tục phối hợp đàm phán, ký kết các hiệp định FTA để mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu gỗ, sản phẩm gỗ và lâm sản khác; đẩy mạnh hội nhập trên các lĩnh vực như phát triển vùng nguyên liệu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, chế biến, xuất khẩu lâm sản, quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.

- Duy trì và mở rộng hợp tác song phương với một số quốc gia, đặc biệt là với các nước có chung đường biên giới nhằm tăng cường trao đổi thông tin và phối hợp trong công tác quản lý bảo vệ rừng khu vực biên giới, phòng chống buôn bán gỗ bất hợp pháp, động vật hoang dã qua biên giới.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả, trách nhiệm các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế liên quan đến lâm nghiệp mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên như: Cam kết tự quốc gia nguyện (NDC) ứng phó với biến đổi khí hậu, Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, Công ước về buôn bán quốc tế động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES), Công ước về đa dạng sinh học (UNCBD), Công ước chống sa mạc hoá (UNCCD), Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC)...; nghiên cứu tham gia các điều ước quốc tế phù hợp khác có liên quan.

- Tăng cường, chủ động thu hút, vận động các nguồn vốn hỗ trợ quốc tế, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), thương mại các - bon rừng; chủ động hợp tác trong nghiên cứu, giáo dục, đào tạo để tiếp cận khoa học và công nghệ lâm nghiệp tiên tiến, phát triển nguồn nhân lực cho ngành.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn tài trợ nước ngoài (vốn ODA, vay ưu đãi và hỗ trợ quốc tế...) theo hướng tăng cường cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, cấp chứng chỉ rừng, ưu tiên hỗ trợ kinh phí để thực hiện thí điểm và nhân rộng các mô hình trồng mới rừng, phục hồi rừng, phát triển lâm sản ngoài gỗ, nông lâm ngư kết hợp, phát triển sinh kế; xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp gắn với kết cấu hạ tầng nông thôn.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực, giúp Chính phủ đôn đốc, tổ chức thực hiện, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này; xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo Chính phủ về tình hình thực hiện Nghị quyết.

2. Các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW và các nhiệm vụ chủ yếu được phân công tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này; căn cứ nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể tổ chức thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

3. Đề nghị các cấp ủy Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức đoàn thể có chương trình, kế hoạch cụ thể đẩy mạnh các hoạt động tham gia công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên gương mẫu chấp hành các quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và phối hợp với cơ quan chức năng giám sát việc thực hiện.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động, các bộ, cơ quan, địa phương chủ động đề xuất, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.



Phụ lục

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ**

Thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Ban Bí thư

về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

(Kèm theo Nghị quyết số: 29/NQ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả (dự kiến)	Thời gian thực hiện, hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	<b>Đổi mới, đa dạng hoá, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững</b>				
1.1	Triển khai phổ biến Kết luận số 61-KL/TW, Chương trình hành động của Chính phủ trên phạm vi toàn quốc.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Các bộ, ngành, các địa phương.	Báo cáo kết quả thực hiện.	Hàng năm.
1.2	Xây dựng các tài liệu, tin bài, phóng sự chuyên đề về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và phát triển lâm nghiệp bền vững.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Các bộ, ngành, các địa phương.	Số lượng tài liệu, tin bài, phóng sự.	Hàng năm.
1.3	Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lâm nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Các bộ, ngành, các địa phương.	Các Quyết định phê duyệt của Bộ, UBND tỉnh.	Hàng năm.

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả (dự kiến)	Thời gian thực hiện, hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.4	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách pháp luật về lâm nghiệp, tăng cường sự giám sát của người dân, các cơ quan thông tin đại chúng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Các bộ, ngành, cơ quan liên quan.	Các đợt tuyên truyền được triển khai.	Hàng năm.
1.5	Mở các chuyên trang, chuyên mục, tiểu mục, vệt tuyên truyền phù hợp và tăng cường đưa tin về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.	Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, các Bộ, ngành, Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND các tỉnh, cơ quan liên quan.	Chuyên trang, chuyên mục, tiểu mục, vệt tuyên truyền, các tin/bài được thực hiện.	Hàng năm.
1.6	Đưa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về lâm nghiệp vào sinh hoạt định kỳ.	UBND các tỉnh.		Thể hiện trong Nghị quyết, Kế hoạch hàng năm của UBND tỉnh.	Hàng năm.
1.7	Lồng ghép các nội dung tuyên truyền bảo vệ rừng vào giờ học cho trẻ em, học sinh các cấp và giáo dục thường xuyên.	Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Tài liệu, chương trình được duyệt.	Hàng năm.

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả (dự kiến)	Thời gian thực hiện, hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2	<b>Hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách về lâm nghiệp</b>				
2.1	Rà soát, hệ thống hoá chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Bộ Tư pháp, các bộ, ngành liên quan.	Xác định cụ thể nội dung, lộ trình, trách nhiệm của cơ quan chủ trì xây dựng, thể chế hoá các chủ trương của Đảng về quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.	Thường xuyên.
2.2	Rà soát, hoàn thiện quy định của pháp luật về lâm nghiệp, trong đó mở rộng đối tượng được giao rừng, cho thuê rừng, quy định cụ thể loại rừng phù hợp, khả thi để giao cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư ở khu vực có rừng quản lý gắn với lịch sử, văn hoá, tín ngưỡng; có cơ chế bảo đảm hài hòa giữa trách nhiệm và quyền lợi của chủ rừng.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.		Nội dung quy phạm được ban hành.	2024 - 2025.

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả (dự kiến)	Thời gian thực hiện, hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2.3	Hoàn thiện cơ chế, chính sách cụ thể, khả thi để quản lý hiệu quả rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên; thu hút sự tham gia của người dân, các nguồn lực xã hội đầu tư cho hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững. Đề xuất tăng mức khoán bảo vệ rừng phù hợp với thực tế.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Bộ Tài chính, các bộ, ngành liên quan.	Chính sách được ban hành.	Hàng năm.
2.4	Tiếp tục hoàn thiện chính sách thúc đẩy phát triển các loại dịch vụ môi trường rừng.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Các bộ, ngành, UBND các tỉnh.	Các dịch vụ được triển khai mới.	Hàng năm.
2.5	Hoàn thiện chính sách và triển khai các chương trình hỗ trợ dạy nghề, tạo sinh kế, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao thu nhập cho người trồng rừng, người bảo vệ rừng.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.	Chính sách và chương trình được ban hành.	Hàng năm.
2.6	Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức, cơ chế điều tiết, cân đối phân bổ ngân sách nhà nước hàng năm bảo đảm hài hoà lợi ích, trách nhiệm đối với địa phương quản lý diện tích rừng lớn.	Bộ Tài chính.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, Các bộ, ngành.	Nguyên tắc, tiêu chí, định mức, cơ chế được ban hành.	Năm 2025.



TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả (dự kiến)	Thời gian thực hiện, hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2.7	Xây dựng chính sách tín dụng trong phát triển lâm nghiệp.	Bộ Tài chính.	Các bộ, ngành.	Chính sách được ban hành <sup>1</sup> .	2023-2024.
2.8	Xây dựng chính sách thúc đẩy hình thành doanh nghiệp lâm nghiệp lớn, hiện đại, đủ năng lực vốn, công nghệ, trình độ quản trị, sản xuất các sản phẩm có chất lượng, xây dựng được thương hiệu, sức cạnh tranh cao, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành.	Chính sách được ban hành.	Hàng năm.
2.9	Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm bảo đảm điều kiện cần thiết cho hoạt động của kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách; chính sách đặc thù để thu hút, giữ chân người lao động làm việc trong ngành lâm nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Bộ Nội vụ, các bộ, ngành.	Chính sách được ban hành.	2024-2025.
2.10	Đề xuất tăng cường chế tài, đơn giản thủ tục tố tụng để xử lý nghiêm, kịp thời vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Bộ Công an.	Vi phạm về lâm nghiệp được xử lý nghiêm.	Hàng năm.

<sup>1</sup> Chính phủ đã ban hành Nghị định số 78/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

<b>TT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Kết quả (dự kiến)</b>	<b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2.11	Rà soát, điều chỉnh, sửa đổi các quy định của địa phương về lâm nghiệp bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp tình hình thực tiễn tại địa phương.	UBND các tỉnh, thành phố.		Các quy định được sửa đổi, bổ sung.	Hàng năm.
2.12	Đề xuất các chính sách để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy công tác quản lý, bảo vệ phát triển rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững tại địa phương. Chủ động quyết định các chính sách thuộc thẩm quyền của địa phương.	UBND các tỉnh, thành phố.		Chính sách được ban hành.	Hàng năm.
<b>3</b>	<b>Phát triển kinh tế lâm nghiệp</b>				
3.1	Tiếp tục triển khai chiến lược, các chương trình, đề án trọng điểm của ngành lâm nghiệp được cấp thẩm quyền duyệt.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	UBND các tỉnh, thành phố.	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cụ thể của các chương trình, đề án.	Hàng năm.
3.2	Phát triển mới, nhân rộng một số mô hình kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp kết hợp, vừa đáp ứng yêu cầu bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, vừa phát huy tiềm năng, giá trị tài nguyên của rừng đặc dụng.	UBND các tỉnh.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Các mô hình được triển khai trên thực tế.	Hàng năm.

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả (dự kiến)	Thời gian thực hiện, hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3.3	Phê duyệt và tổ chức thực hiện Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng .	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Các bộ, ngành.	Đề án được duyệt.	2023-2024.
3.4	Đẩy mạnh triển khai dịch vụ hấp thụ, lưu giữ các-bon của rừng.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Các bộ, ngành.	Chính sách được ban hành.	2023-2024.
3.5	Thành lập thị trường các-bon trong nước.	Bộ Tài chính.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành.	Thị trường các - bon thành lập và đi vào hoạt động.	2027
3.6	Tổ chức vận hành thị trường các-bon trong nước và tham gia thị trường các-bon thế giới.	Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Các bộ, ngành.		Từ năm 2028.
3.7	Đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia liên quan đến bảo vệ, phát triển rừng.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Các bộ, ngành liên quan.	Các chỉ tiêu cụ thể của các chương trình được hoàn thành.	Hàng năm.
3.8	Đẩy mạnh ưu tiên đào tạo những ngành, nghề phục vụ cho nhu cầu của thị trường lao động ngành sản xuất, chế biến lâm sản và thủy sản; đồng thời đào tạo kỹ năng nghề mới cho người lao động để đáp ứng yêu cầu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Các chương trình đào tạo được ban hành và triển khai.	Hàng năm.

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả (dự kiến)	Thời gian thực hiện, hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3.9	Xem xét, giải quyết kịp thời các vấn đề về an sinh xã hội cho lao động ngành sản xuất, chế biến lâm sản và thủy sản.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh, các bộ, ngành.	Các chính sách được ban hành.	Hàng năm.
3.10	Chủ động tháo gỡ kịp thời các khó khăn cho doanh nghiệp về thủ tục hành chính, về giao đất, giao rừng; quy hoạch, làm tốt công tác quản lý nhà nước.	UBND các tỉnh.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Các thủ tục được công bố, đảm bảo khả thi.	Hàng năm.
3.11	Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả quản lý rừng bền vững gắn với cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững .	UBND các tỉnh.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Phương án được duyệt và triển khai.	Hàng năm.
3.12	Đảm bảo cung cấp đủ giống có chất lượng từng bước được cải thiện cho kế hoạch trồng rừng.	UBND các tỉnh.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Cung cấp đủ giống có chất lượng cho trồng rừng.	Hàng năm.
4	<b>Tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050</b>				
4.1	Phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Bộ KHĐT, các Bộ, ngành liên quan.	Quy hoạch được phê duyệt.	Năm 2023.

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả (dự kiến)	Thời gian thực hiện, hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
4.2	Thực hiện có hiệu quả quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Các bộ, ngành, UBND các tỉnh.	Kế hoạch triển khai được duyệt và thực hiện.	Hàng năm.
4.3	Bố trí nguồn vốn đầu tư thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Số kinh phí được phân bổ hàng năm.	Hàng năm.
4.4	Phê duyệt và triển khai thực hiện Đề án kiểm kê rừng toàn quốc.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Bộ Tài Nguyên và Môi trường.	Kết quả kiểm kê rừng được duyệt, công bố.	Theo tiến độ được duyệt.
4.5	Phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện Đề án giao rừng, cho thuê rừng.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Các bộ, ngành.	Đến năm 2026, toàn bộ diện tích rừng và đất quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp phải được giao, cho thuê đến từng chủ rừng.	2026
4.6	Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả nhiệm vụ quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với mục tiêu quốc	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.	Chương trình, đề án, kế hoạch được phê duyệt, triển khai.	Hàng năm.

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả (dự kiến)	Thời gian thực hiện, hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	phòng, an ninh, bảo đảm ổn định dân cư, nhất là khu vực biên giới.				
4.7	Triển khai các giải pháp phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đặc biệt là rừng đầu nguồn, bảo tồn, khôi phục, tăng độ che phủ rừng, chống sa mạc hoá, suy thoái rừng.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.		Tỷ lệ che phủ rừng ổn định 42%, chất lượng rừng tự nhiên tăng.	Hàng năm.
4.8	Rà soát phân định ranh giới rừng, cắm mốc, bảng trên thực địa và triển khai thực hiện.	UBND các tỉnh.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Hoàn thành cắm mốc giới rừng trên thực tế.	2026
4.9	Tiếp tục quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Bộ TNMT, các bộ, ngành.	Diện tích rừng tự nhiên chuyển mục đích giảm.	Hàng năm.
4.10	Chỉ đạo các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được giao rừng và các đơn vị trên địa bàn khu vực có rừng thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ, phát triển rừng gắn với quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế khu vực.	Bộ Quốc phòng.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Các chương trình, kế hoạch, giải pháp được thực hiện.	Hàng năm.
4.11	Tích hợp diện tích rừng và đất lâm nghiệp, cơ cấu 3 loại rừng, các hoạt động về quản lý, bảo	UBND các tỉnh.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Quy hoạch tỉnh được duyệt, trong đó nội	2023-2024.

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả (dự kiến)	Thời gian thực hiện, hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	vệ rừng, phát triển rừng, phát triển sản xuất lâm nghiệp của Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia vào quy hoạch tỉnh.			dung quy hoạch lâm nghiệp.	
5	Sắp xếp tổ chức, bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp				
5.1	Sắp xếp tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về lâm nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Bộ Nội vụ.	Tổ chức bộ máy được sắp xếp, hoạt động.	Hàng năm.
5.2	Phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính gắn với kiểm tra, giám sát trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.	UBND các tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Các bộ, ngành.	Các quy định, các quyết định phân cấp, phân quyền được ban hành.	Hàng năm.
5.3	Bảo đảm điều kiện cần thiết cho hoạt động của kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách; chính sách đặc thù để thu hút cán bộ làm công tác lâm nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Bộ Nội vụ.	Cơ chế, chính sách được ban hành.	Hàng năm.
5.4	Tổ chức xây dựng lực lượng chuyên ngành về phòng cháy, chữa cháy rừng theo hướng chuyên nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Bộ Công an, Bộ Nội vụ.	Lực lượng chuyên ngành về phòng cháy, chữa cháy rừng	Hàng năm.

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả (dự kiến)	Thời gian thực hiện, hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				được duy trì hoạt động.	
5.5	Xây dựng chương trình, đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đội ngũ cán bộ, công chức ngành lâm nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Bộ Nội vụ, Bộ LĐTBXH.	Chương trình, đề án được duyệt và thực hiện.	Hàng năm.
6	<b>Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp</b>				
6.1	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 984/QĐ-TTg ngày 23/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Kết luận số 82-KL/TW ngày 29/7/2020.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Các bộ, ngành được phân giao nhiệm vụ.	Các chỉ tiêu của Kế hoạch được hoàn thiện.	Hàng năm.
6.2	Hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương xử lý triệt để tồn đọng, tranh chấp về đất đai có nguồn gốc từ lâm trường, công ty lâm nghiệp; xử lý dứt điểm diện tích đất lâm nghiệp bị chồng lấn, tranh chấp, lấn chiếm.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND các tỉnh.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Công an.	Các diện tích đất lâm nghiệp bị chồng lấn, tranh chấp, lấn chiếm được xử lý.	Hàng năm.



TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả (dự kiến)	Thời gian thực hiện, hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
6.3	Giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số.	UBND các tỉnh.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành liên quan.	Người dân được cấp đất ở, đất sản xuất.	Hàng năm.
6.4	Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển nhượng đất ở, đất sản xuất được giao của đồng bào dân tộc thiểu số.	UBND các tỉnh.	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành liên quan.	Hạn chế, chấm dứt tình trạng chuyển nhượng đất ở, đất sản xuất được giao của đồng bào dân tộc thiểu số.	Hàng năm.
6.5	Quản lý chặt chẽ tình trạng dân di cư tự do tại cả nơi đi và nơi đến.	UBND các tỉnh.	Các bộ, ngành.	Giảm số dân di cư tự do hàng năm.	Hàng năm.
7	<b>Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số. Chủ động, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về lâm nghiệp</b>				
7.1	Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ trong lâm nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Bộ Khoa học và Công nghệ.	Các Đề tài, ứng dụng được triển khai.	Hàng năm.
7.2	Thực hiện chuyển đổi số và sử dụng trí tuệ nhân tạo trong theo dõi, giám sát, quản lý tài	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ	Các công cụ, sản phẩm chuyển đổi số	Hàng năm.

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả (dự kiến)	Thời gian thực hiện, hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	nguyên rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; dự báo và cảnh báo sinh vật hại rừng và truy xuất nguồn gốc lâm sản, nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.		Khoa học và Công nghệ.	được đưa vào sử dụng.	
7.3	Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính trong lâm nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Bộ Khoa học và Công nghệ.	Các giải pháp được công nhân.	Hàng năm.
7.4	Tăng cường đối thoại với các nước xuất, nhập khẩu để công nhận bình đẳng về hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp; tổ chức các diễn đàn đầu tư và doanh nghiệp để kết nối các nhà nhập khẩu với doanh nghiệp Việt Nam.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Các bộ, ngành có liên quan.	Các thoả thuận được ký kết.	Hàng năm.
7.5	Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu, tiếp tục đàm phán các hiệp định FTA để mở rộng thị trường.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Các bộ, ngành có liên quan.	Thị trường xuất khẩu lâm sản được mở rộng.	Hàng năm.
7.6	Thực hiện có trách nhiệm các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Các bộ, ngành có liên quan.	Các nội dung cam kết được thực hiện.	Hàng năm.

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả (dự kiến)	Thời gian thực hiện, hoàn thành
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
7.7	Đẩy mạnh hợp tác song phương với các nước có chung đường biên giới nhằm tăng cường trao đổi thông tin, bảo đảm công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và quản lý lâm sản hiệu quả, chặt chẽ.	Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND các tỉnh.	Bộ Quốc phòng.	Các quy chế được ký kết và thực hiện.	Hàng năm.